TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-6-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Ông Phạm Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hinh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 69/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Tuấn T, sinh năm 1965; nơi cư trú: Số nhà 5/25B đường Đà Nẵng, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Mai Lệ H, sinh năm 1986; hiện cư trú tại: Số 4 Frank Street, Sunshine West Victoria 3020, Australia; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn anh Trần Tuấn T trình bày:

Anh Trần Tuấn T và chị Mai Lệ H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vào ngày 07 tháng 11 năm 2016. Sau khi kết hôn, chị Hằng đã trở về Australia để làm việc. Thời gian đầu anh chị thường xuyên liên lạc với nhau. Đến năm 2018 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Anh Thanh đã cố gắng hàn gắn

hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh Trần Tuấn T làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị Mai Lệ H.

Về con chung: Anh chị không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai của bị đơn chị Mai Lệ H (*được gửi trực tiếp từ Australia về và đã được giám định đúng chữ viết, chữ ký của chị Hằng), chị Mai Lệ H trình bày:*

Chị Mai Lệ H thống nhất về quá trình kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Trần Tuấn T. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Tuấn T.

Về con chung: Anh chị không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Anh Trần Tuấn T và chị Mai Lệ H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 11 năm 2016. Anh Trần Tuấn T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Chị Mai Lệ H có quốc tịch Australia và hiện đang ở Australia. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh Trần Tuấn T và bị đơn chị Mai Lệ H đều vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của Anh Trần Tuấn T và chị Mai Lệ H thống nhất với lời khai của đại diện gia đình về thời gian kết hôn, về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa Anh Trần Tuấn T và chị Mai Lệ H có mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm, lối sống, đến nay anh chị không còn liên hệ, cũng như không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau. Chị Mai Lệ H hiện sống ở Australia còn anh Thanh ở Việt Nam. Nay anh Thanh và chị Hằng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị được ly hôn. Xét, quan hệ hôn nhân giữa hai bên

đã thực sự không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh Trần Tuấn T, cho anh Trần Tuấn T được ly hôn với chị Mai Lệ H.

[4] Về con chung: Anh Trần Tuấn T và chị Mai Lệ H không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Trần Tuấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không không đặt vấn đề xem xét, giải quyết .

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Tuấn T là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 9, 14, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 151, Điều 152, Điều 153, Điều 154, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 470, khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều 477, khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Tuấn T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Tuấn T được ly hôn chị Mai Lệ H.

2. Về con chung: Anh Trần Tuấn T và chị Mai Lệ H không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh Trần Tuấn T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Tuấn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0006338 ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Trần Tuấn T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Anh Trần Tuấn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Chị Mai Lệ H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án.

7. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Hùng **Vũ Thị Minh Nguyệt** **Trần Thị Vân Thúy**